

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 118/2018/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng
tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHOÁ XIII - KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 16/12/2017 của Chính phủ”;

Xét Tờ trình số 3976/TTr-UBND ngày 08/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh; Báo cáo thẩm tra số 83/BC-HĐND ngày 06/7/2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định việc phân cấp thẩm quyền quyết định mua, bán, thuê, thu hồi, thanh lý, điều chuyển, tiêu hủy, tài sản bị mất, bị hủy hoại và thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước.

2. Đối tượng phân cấp: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp

1. Chỉ thực hiện phân cấp đối với những nội dung mà Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định Hội đồng nhân dân tỉnh phải quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định. Đối với những nội dung còn lại thực hiện theo quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn Luật.

2. Phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công phải phù hợp với phân cấp về quản lý kinh tế - xã hội, về tổ chức bộ máy nhà nước, đảm bảo thống nhất trong quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội với nguồn lực tài sản phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, địa phương.

3. Phân cấp quản lý tài sản công phải gắn kết và phù hợp với phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, quản lý tập trung, chặt chẽ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và tài sản có giá trị lớn.

4. Phân cấp quản lý tài sản công phù hợp với trình độ, năng lực quản lý của mỗi cấp, mỗi ngành, đơn vị được giao trực tiếp sử dụng tài sản công gắn với trách nhiệm của người đứng đầu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản công đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả đúng mục đích công năng, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Xe ô tô công theo quy định của Chính phủ về xe công (trường hợp phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thì thực hiện theo quy định);

c) Tài sản khác đối với các cơ quan cấp tỉnh (trừ khoản 3 Điều này).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ và xe ô tô) từ nguồn ngân sách cấp huyện;

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định mua sắm tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ và xe ô tô) từ nguồn kinh phí được giao trong dự toán.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định bán tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; nhà ở công vụ sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Xe ô tô công theo quy định của Chính phủ về xe công;

c) Tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đối với các cơ quan cấp huyện và tài sản khác của các cơ quan cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; nhà ở công vụ và xe ô tô) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị cấp huyện.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;
- b) Tài sản khác đối với các cơ quan cấp tỉnh (trừ khoản 3 Điều này).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ) từ nguồn ngân sách cấp huyện;

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định thuê tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ) từ nguồn kinh phí tự chủ được giao.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;
- b) Xe ô tô công (theo quy định của Chính phủ về xe công);
- c) Tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; nhà ở công vụ và xe ô tô công) có nguyên giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; nhà ở công vụ và xe ô tô công) có nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo đúng tiêu chuẩn định, mức quy định.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;
- b) Xe ô tô công (theo quy định của Chính phủ về xe công);
- c) Tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đối với các cơ quan cấp huyện và tài sản khác của các cơ quan cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ và xe ô tô công) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ tháo dỡ của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;
- b) Xe ô tô công (theo quy định của Chính phủ về xe công);
- c) Tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính Quyết định thanh lý tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ tháo dỡ và xe ô tô công) có nguyên giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan cấp tỉnh.

3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành quyết định thanh lý tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ tháo dỡ và xe ô tô công) có nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ tháo dỡ của các cơ quan, đơn vị cấp huyện;

b) Tài sản khác (trừ xe ô tô công) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị cấp huyện.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan của các cơ quan, đơn vị.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, đơn vị, gồm:

a) Trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ;

b) Xe ô tô (theo quy định của Chính phủ về xe công);

c) Tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, xe ô tô) bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, xe ô tô) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản phục vụ hoạt động dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 16/2009/NQ-HĐND ngày 11/12/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp quản lý tài sản nhà nước

tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; xử lý kịp thời nghiêm minh theo quy định của pháp luật liên quan đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng tài sản công; Ủy ban nhân dân tỉnh ngoài việc báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại khoản 2 Điều 130 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, có trách nhiệm báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khi có yêu cầu.

- Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo nhiệm vụ, quyền hạn và được pháp luật quy định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh Khóa XIII, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 13/7/2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2018.//*ho*

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBTV Quốc hội;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội của tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khoá XIII;
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Đài PTTH, Báo QN, TT Thông tin;
- Lưu: VT, KTNS1.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đọc